

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh nội dung trong Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản số 2572/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 của UBND tỉnh
(Trữ lượng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; Luật số 147/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và Khoáng sản; số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và Khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và Khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 sửa đổi bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 2572/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản đất làm vật liệu san lấp trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại xã Cẩm Tú, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa”;

Căn cứ Quyết định số 3204/QĐ-UBND ngày 11/9/2023 của UBND tỉnh về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ đất làm vật liệu san lấp tại xã Cẩm Tú, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa đối với Công ty cổ phần Hiệp Phát Cẩm Thủy;

Căn cứ Quyết định số 1575/QĐ-UBND ngày 30/5/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số 15/GP-UBND ngày 06/01/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc cho phép Công ty TNHH MTV dịch vụ vận tải và đầu tư xây dựng Xuân Thành được thăm dò khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại xã Cẩm Tú, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 104/GP-UBND ngày 20/06/2024; được điều chỉnh tại Quyết định số 409/QĐ-UBND ngày 6/2/2025 của UBND tỉnh về việc cho phép Công ty cổ phần Hiệp Phát Cẩm Thủy được khai thác đất làm vật liệu san lấp tại mỏ đất xã Cẩm Tú, huyện Cẩm Thủy (nay là xã Cẩm Tú), tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Văn bản số 21056/UBND-CNXXDKH ngày 28/11/2025 của UBND tỉnh về việc thông qua đề án thăm dò bổ sung để xác định trữ lượng, chất lượng khoáng sản đi kèm tại mỏ đất làm vật liệu san lấp xã Cẩm Tú, tỉnh Thanh Hóa của Công ty cổ phần Hiệp Phát Cẩm Thủy;

Xét Hồ sơ đề nghị công nhận kết quả thăm dò bổ sung khoáng sản của Công ty cổ phần Hiệp Phát Cẩm Thủy đề ngày 10/4/2026 nộp tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 893/TTr-SNNMT ngày 11/6/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh nội dung trong Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản số 2572/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản đất làm vật liệu san lấp trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại xã Cẩm Tú, huyện Cẩm Thủy (nay là xã Cẩm Tú, tỉnh Thanh Hóa)”, cụ thể như sau:

1. Tại khoản 2, khoản 3, Điều 1 Quyết định số 2572/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 của UBND tỉnh có nội dung:

“2. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đất làm vật liệu san lấp đã tính trong báo cáo: Trữ lượng cấp 122: 3.571.561 m³.

3. Khoáng sản đi kèm: Không”

Nay điều chỉnh lại như sau:

“2. Tổng trữ lượng khoáng sản đất làm vật liệu san lấp và đá bazan làm vật liệu xây dựng thông thường đã tính trong báo cáo là 3.571.561 m³, gồm:

+ Cấp 121: 0 m³.

+ Cấp 122: 3.571.561 m³.

Trong đó:

- Khoáng sản chính: Đất làm vật liệu san lấp là: 2.583.281 m³, gồm:
 - + Cấp 121: 0 m³.
 - + Cấp 122: 2.583.281 m³.
- Các khoáng sản đi kèm: Đá bazan làm vật liệu xây dựng thông thường là 988.280 m³, gồm:
 - + Cấp 121: 0 m³.
 - + Cấp 122: 988.280 m³.

3. *Mức sâu thấp nhất các khối trữ lượng; thống kê chi tiết trữ lượng khoáng sản theo khối, cấp được thống kê chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này”.*

2. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo Quyết định số 2572/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản đất làm vật liệu san lấp trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại xã Cẩm Tú, huyện Cẩm Thủy (nay là xã Cẩm Tú, tỉnh Thanh Hóa)”.

Điều 2. Các tài liệu của báo cáo kết quả thăm dò, thăm dò bổ sung khoáng sản được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất theo quy định. Công ty cổ phần Hiệp Phát Cẩm Thủy chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của số liệu, thông tin trong báo cáo; Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về các số liệu, nội dung trong hồ sơ thẩm định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản số 2572/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch UBND xã Cẩm Tú; Giám đốc Công ty cổ phần Hiệp Phát Cẩm Thủy, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
- Văn phòng Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia;
- TT Thông tin, Lưu trữ và Bảo tàng địa chất;
- Lưu: VT, CN (T06.49).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Cao Văn Cường

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

THỐNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN
Khoáng sản đá bazan làm vật liệu xây dựng thông thường
tại xã Cẩm Tú, tỉnh Thanh Hóa
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

STT	Số hiệu khối trữ lượng	Mức sâu thấp nhất (m)	Trữ lượng đá bazan làm vật liệu xây dựng thông thường (m³)	Ghi chú
1	1- 122	+ 82,0	563.681	
2	2- 122	+ 82,0	354.329	
3	3- 122	+ 82,0	19.516	
4	4- 122	+ 82,0	24.831	
5	5-122	+ 82,0	25.923	
Tổng trữ lượng cấp 122			988.280	